TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2017/DS- ST

Ngày: 24 - 11 - 2017

Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bá Dương

2. Ông Huỳnh Bá Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại Hội trường Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2017/TLST- DS ngày 16/8/2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2017/QĐXX- ST ngày 10 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H. Sinh năm: 1989

Trú tại: Tổ 26, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng- Có mặt.

2. Bị đơn: - Bà Mai Thị Hiền T. Sinh năm: 1989

- Ông Nguyễn Thanh T1. Sinh năm: 1981

Cùng trú tại: Đường A, tổ 128, phường M, N, TP. Đà Nẵng- Cả hai đều vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng thương mại cổ phần V

Địa chỉ: Đường Đ, phường K, quận T, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt.

2. Ông Mai Đăng S. Sinh năm: 1984

Trú tại: Tổ 26, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 7 năm 2017 của nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Vào ngày 16/11/2016 bà có cho vợ chồng bà Mai Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T1 mượn số tiền 390.000.000 đồng. Khi cho vay các bên thỏa thuận, bên vay phải trả lãi cho bà theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định và bên vay sẽ trả toàn bộ tiền gốc cho bà khi bà cần. Tuy nhiên, đến nay bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà T ông T1 trả tiền cho bà nhưng vợ chồng bà T ông T1 vẫn né tránh.

Do vậy bà làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn giải quyết buộc vợ chồng bà Mai Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T1 phải trả cho bà số tiền 390.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại bản trình bày ngày 21/8/2017, bà H yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn giải quyết buộc vợ chồng bà Mai Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T1 phải trả cho bà số tiền 390.000.000 đồng và bà không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà H chỉ yêu cầu bà T và ông T1 trả số tiền 385.575.000 đồng, sau khi đã trừ số tiền gốc là 4.425.000 đồng, còn tiền lãi 19.345.000 đồng, là tiền lãi bà T nộp cho bà tại Ngân hàng theo hợp đồng nên bà không yêu cầu tính thêm tiền lãi.

Bị đơn bà Mai Thị Hiền T trình bày: Trước đây vào ngày 16/11/2016 bà có mượn của bà Lê Thị H số tiền 390.000.000 đồng mục đích làm ăn, khi vay tiền bà và bà H thỏa thuận mỗi tháng trả 4.100.000 đồng, đến nay bà đã trả được khoảng 8 tháng. Nay bà Lê Thị H khởi kiện đòi trả số tiền 390.000.000 đồng thì bà không có khả năng để trả, bà chỉ có khả năng trả mỗi tháng 4.100.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 đã được tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để ông T1 trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng ông T1 vẫn vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện cơ bản đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng bị đơn bà Mai Thị Hiền T, ông Nguyễn Thanh T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần V và ông Mai Đăng S đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi vắng mặt tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Điều 35, Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện đòi tiền của bà Lê Thị H đối với vợ chồng bà Mai Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T1.

Buộc vợ chồng bà Mai Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T1phải trả cho bà Lê Thị H số tiền nợ là 366.230.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị H nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Mai Thị Hiền T, ông Nguyễn Thanh T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần V và ông Mai Đăng S vắng mặt. Xét thấy trong qúa trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự nhưng tất cả đều vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Do có mối quan hệ quen biết chị em dâu với nhau và xuất phát nhu cầu mượn tiền, nên vào ngày 16/11/2016 vợ chồng bà Mai Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T1 có mượn của bà Lê Thị H số tiền 390.000.000 đồng và hẹn sẽ trả toàn bộ tiền gốc cho bà H khi bà H cần.

Tuy nhiên, sau khi mượn tiền của bà H và hẹn hoàn trả số tiền đã mượn cho bà H khi bà H cần, nhưng bà T và ông T1 đã không thực hiện theo cam kết. Do bà T và ông T1 đã không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết nên bà H đã nhiều lần yêu cầu bà T và ông T1 trả số tiền nợ trên nhưng bà T và ông T1 vẫn cố tình trốn tránh trách nhiệm việc trả nợ cho bà H dẫn đến việc phát sinh tranh chấp. Căn cứ ban đầu bà Lê Thị H khởi kiện đòi nợ bà Mai Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T1 là giấy mượn tiền đề ngày 16/11/2016 với số tiền là 390.000.000 đồng.

Theo bà T khai việc bà mượn tiền của bà H, hằng tháng bà nộp tiền cho Ngân hàng V là 4.100.000 đồng, từ khi mượn tiền của bà H đến nay hàng tháng bà trả tiền cho bà H tại Ngân hàng thương mại cổ phần V mỗi tháng 4.100.000 đồng và đã trả được số tiền khoảng 8 tháng. Qua xác minh, thu thập chứng cứ tại Ngân hàng TMCP V thì bà T có nộp tiền tại Ngân hàng TMCP V 06 lần với tổng số tiền 23.770.000 đồng; trong đó, tiền gốc là 4.425.000 đồng và tiền lãi là 19.345.000 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng số 0669/04616/04.HĐTDTLTDH, ngày 15/12/2016 thì giữa bà H và Ngân hàng TMCP V có ký hợp đồng tín dụng ngày 16/12/2016, theo đó ông S và bà H mượn tiền Ngân hàng 750.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, lãi suất 10,3%/năm, thời hạn vay 180 tháng.

Sau đó, bà H cho bà T mượn số tiền 390.000.000 đồng và bà T có nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi cho bà H tại Ngân hàng TMCP V. Tuy nhiên, quá trình vay tiền bà T chỉ mới thanh toán thay cho bà H được 06 lần với tổng số tiền 23.770.000 đồng; trong đó, tiền gốc là 4.425.000 đồng và tiền lãi là 19.345.000 đồng.

Như vậy, số tiền bà T ông T1 nợ bà H là 390.000.000 đồng, hiện nay bà T đã thanh toán cho bà H được số tiền gốc là 4.425.000 đồng, bà H đồng ý trừ vào số tiền bà T ông T1 mượn là 390.000.000 đồng, còn lại số tiền nợ 385.575.000 đồng; xét cần buộc trả cho bà H là phù hợp. Đối với số tiền 19.345.000 đồng, đây là tiền lãi bà

T đã thanh toán cho bà H tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, bà H không yêu cầu tính thêm tiền lãi nên không đề cập đến.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị H chỉ yêu cầu bà Mai Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T1 phải trả cho bà số tiền nợ còn lại là 385.575.000 đồng và bà không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp và thỏa đáng nên không đề cập đến.

Xét thấy rằng số tiền bà T và ông T1 nợ bà H đã lâu nhưng bà T và ông T1 không có thiện chí trả nợ dứt điểm cho bà H. Vì vậy, việc bà H yêu cầu bà T và ông T1 trả nợ là hoàn toàn chính đáng và phù hợp, xét cần chấp nhận.

Đối với bà Mai Thị Hiền T xác nhận số tiền nợ 390.000.000 đồng nhưng bà không có khả năng để trả, bà chỉ có khả năng trả mỗi tháng 4.100.000 đồng cho đến khi hết nợ là không có thiện chí trả nợ, mà chỉ nhằm kéo dài thời gian, trì hoãn việc trả nợ gây thiệt hại cho bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử không thể chấp nhận yêu cầu của bà T được.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa hôm nay về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện đòi tiền của bà Lê Thị H đối với vợ chồng bà Mai Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T1 là có căn cứ.

Riêng việc tính số tiền gốc và lãi 23.770.000 đồng để trừ vào số tiền nợ 390.000.000 đồng; buộc vợ chồng bà Mai Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T1 phải trả cho bà Lê Thị H số tiền nợ là 366.230.000 đồng là thiệt hại cho nguyên đơn. Bởi vì, bà H vay Ngân hàng thì hàng tháng cũng phải trả tiền lãi cho Ngân hàng nên số tiền 19.345.000 đồng, đây là tiền lãi bà T trả cho bà H tại Ngân hàng. Vì vậy, xét cần buộc bà T và ông T1 phải trả cho bà H số tiền 385.575.000 đồng là phù hợp.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H; buộc vợ chồng bà Mai Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T1 phải trả cho bà Lê Thị H số tiền nợ là 385.575.000 đồng là phù hợp theo Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo giá ngạch 5% của số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện đòi tiền của bà Lê Thị H đối với vợ chồng bà Mai Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T1.

Tuyên xử: Buộc vợ chồng bà Mai Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T1 phải trả cho bà Lê Thị H số tiền nợ là 385.575.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Án phí dân sự sơ thẩm: 19.278.750 đồng, bà Mai Thị Hiền T và ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu.

Hoàn trả cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí 9.750.000 đồng đã nộp, theo biên lai thu số 0004348 ngày 14/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND QNHSơn
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Lâm